

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·三亚)



11253

Group B

Round 9

Date

Board 1

WHITE: 江子航						FED		RESULT (W)			
BLACK						FED		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	e4	Re5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Kd2	Sc5	42			62		
3	d4	ed	23	Rf1	Ke7	43			63		
4	Nbd2	Bc5	24	Ke2	Sc6	44			64		
5	Nc6	Bb6	25	Rf3	Sc4	45			65		
6	Bd3	Bc	26	Re	Rh5	46			66		
7	Nc3	Qxf2	27	h4	Rh4	47			67		
8	Qf1	d6	28	Rd4	Sc5	48			68		
9	Bc3	Bc3	29	Rf4	Rd4	49			69		
10	Re	Nb6	30	Rc1	Rf5	50			70		
11	Rg1	g6	31	Rc1	Rf6	51			71		
12	Bc3	Bc6	32	Rd4	Rd4	52			72		
13	Bb3	Rb8	33	H6	Rd4	53			73		
14	Qc2	Ke7	34	Kf4	Rd4	54			74		
15	Rd4	C5	35	Rd4	Rd4	55			75		
16	Rd4	Rd4	36	Rd4	Rd4	56			76		
17	Nd5	Bd5	37	Rd4	Rd4	57			77		
18	Bd5	Nd5	38	d6	H8	58			78		
19	ed	Ke7	39	Rd4		59			79		
20	b3	Re8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
江子航				江子航				江子航			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南·三亚)



11253

Group B

Round 9

Date

Board 1

WHITE						FED		CHN		RESULT (W)	
Tang, Yusheng						FED		MAS		RESULT (B)	
BLACK						Kartikayan Rajendran					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	e4	Rd5	41			61		
2	Nf3	Nc6	22	Ke2	f5	42			62		
3	d4	exd4	23	Rg5	Ke7	43			63		
4	Nxd4	Bc5	24	Ke3	Kf6	44			64		
5	Nxc6	Qf6	25	Rd3	fxe4	45			65		
6	Qf3	Bxc6	26	fxe4	Rh5	46			66		
7	Nc3	Qxf3	27	h4	Rb4	47			67		
8	gxf3	d6	28	Rf3	Ke5	48			68		
9	Be3	Bxe3	29	Qf4	Rd4	49			69		
10	fxe3	Nf6	30	Rxd4	Rc5	50			70		
11	Rg1	g6	31	Rxc7	Rxf4	51			71		
12	Bc4	Be6	32	Rc4	Kf6	52			72		
13	Bb3	Rb8	33	Re3	Kc7	53			73		
14	O-O-O	Ke7	34	Kxf4	Re2	54			74		
15	Rd4	C5	35	Rd4	Rne2	55			75		
16	Rd4	Rb7	36	Rd4	Ke5	56			76		
17	Nd5	Bxd5	37	Rd4	Rh2	57			77		
18	Bxd5	Nxd5	38	d6	Ke5	58			78		
19	exd5	Ke7	39	Rc5		59			79		
20	b3	Rd8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
江子航											

B14-9-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.25 Board 2

WHITE 20 Junyu												FED CHN		RESULT(W) 1	
BLACK Lee Jiwoo												FED KOR		RESULT(B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	g5	21	Qb6	40	b6	29	41				61			
2	Ng3	91	22	b4	36	Ng6	27	42				62			
3	Nc3	91	23	Qb3	27	c4	26	43				63			
4	h3	91	24	Qd1	26	Ng7	17	44				64			
5	Bd3	92	25	Nd2	27	Bb7	16	45				65			
6	g5	92	26	ff1	20	d5	9	46				66			
7	a3	92	27	ff4	17	Qd9	8	47				67			
8	Nb4	93	28	Bb4	17	Nd4	9	48				68			
9	Re1	92	29	Q5	16	Qd5	8	49				69			
10	Rf1	93	30	ff4	26	Qd5	8	50				70			
11	CS	81	31	Qd5	11	Rd7	4	51				71			
12	Re1	80	32	Rd4	13	Qd6	4	52				72			
13	d4	b7	33	Qd4	8	Rd7	3	53				73			
14	Nb6	65	34	Rd7	7	ff4	3	54				74			
15	Rd7	b5	35	Qd8	8	Rd7	3	55				75			
16	Qd1	b5	36	ff7	8	19	4	56				76			
17	g3	69	37	Rd7	8	Rd6	4	57				77			
18	Rd3	57	38	Rd7	8	Rd3	3	58				78			
19	Bd3	57	39					59				79			
20	Qd3	54	40					60				80			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				3			

B14-9-2

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29 Board 2

WHITE Zho Junyu												FED CHN		RESULT(W) 1	
BLACK Lee Jiwoo												FED KOR		RESULT(B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e5	21	Qd2	b6	41			61						
2	Nf3	Nc6	22	b4	Rd6	42			62						
3	Nc3	Nf6	23	Qd3	c4	43			63						
4	h3	Bb7	24	Qd1	Nd7	44			64						
5	Bd3	0-0	25	Qd2	20	45			65						
6	0-0	06	26	Rf1	20	46			66						
7	Q3	Bd5	27	Rd4	Qd4	47			67						
8	Nd4	Bb6	28	Rd4	Nd4	48			68						
9	Re1	Rd8	29	e5	Qd5	49			69						
10	Rf1	Nd7	30	Qd4	Qd3	50			70						
11	C3	Nb6	31	Qd5	Rd7	51			71						
12	Qd2	Nd5	32	Rd4	Qd6	52			72						
13	d4	Nd4	33	Qd4	Rd7	53			73						
14	Nd4	Qd6	34	Rd4	Rd4	54			74						
15	h2	Qd6	35	Qd8	Rd7	55			75						
16	Qd1	h6	36	Rd7	Rd7	56			76						
17	g3	Nc6	37	Qd8	Rd7	57			77						
18	Bd3	b5	38	Qd8	Rd7	58			78						
19	Bd3	c5	39			59			79						
20	Qd3	Rd7	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				2			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

Group B / 4
Round 9
Board 3

WHITE						FED		RESULT (W)									
BLACK						FED		RESULT (B)									
Beltran King Xyan								1									
Gun-Endem Damba								J									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	d4	Nf6	21	Jc	Qe2	41	Nf2	Kf8	61	Kf8	c8						
2	c4	e6	22	Nd2	Rd7	42	Qh6	Nf7	62	Ke2	a1						
3	Nf3	Bb4	23	Bb2	Nb5	43	Bf6	Kf7	63	Kf4							
4	Nbd2	b6	24	Qe4	Kd8	44	Qe6	Kf7	64								
5	P3	Bb7	25	Qc6	Kd7	45	Qe5	Kd7	65								
6	Bp2	O-O	26	Nc5	Qh5	46	Qd7	Kf7	66								
7	O-O	Bd2	27	Qd5	Qe8	47	Qd8	Rf2	67								
8	Qd2	d6	28	Qh4	h6	48	Q5	Kf7	68								
9	b4	Q5	29	Q5	Kh7	49	Q1	Rf2	69								
10	b5	Nbd7	30	Qh4	Kf7	50	Q2	Kd7	70								
11	Q4	Qe7	31	Q4	Nb5	51	O-O	Kd6	71								
12	Be3	Nc4	32	Q4	Rd2	52	Q4	h5	72								
13	Qc2	f5	33	Q4	Kh7	53	Q1	Qd	73								
14	Nd2	Nd6	34	Q4	Qd	54	Q1	Nd	74								
15	c5	Bd5	35	Q4	h5	55	Q1	h5	75								
16	Np4	f6	36	Nf6	h5	56	Q1	Kd	76								
17	e3	Rf7	37	Q5	Rf7	57	Q4	Rf7	77								
18	f3	e1	38	Qh6	Kf7	58	Q1	Kd5	78								
19	h3	Bf3	39	Q5	Nd3	59	Q4	h3	79								
20	Rf4	Jc	40	Rf6	Qf8	60	Q5	Qf	80								
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]						Gun-Endem						J					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29/2026

Group B / 4
Round 9
Board 3

WHITE King Xyan Beltran						FED PH1		RESULT (W)			
BLACK Gun-Endem Damba						FED MGL		RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qd5	Qe8	41	Rd5	Kd8	61	Q7	Kb3
2	c4	e6	22	Raf1	Rd7	42	Qh8	Rg8	62	c8=Q	Kd3
3	Nf3	Bb4	23	Bb2	Nb5	43	Qf6	Kd8	63	Qd4	Kb4
4	Nbd2	b6	24	Qe4	Rd8	44	Qd6	Kf8	64	Qcc3#	
5	g3	Bb7	25	c6	Re7	45	Qf5	Kd7	65		
6	Bg2	O-O	26	Re5	Qh5	46	Qd7	Kf8	66		
7	O-O	Bd2	27	Qd4	Qe5	47	Qd3	Rf2	67		
8	Qd2	d6	28	Qh4	h6	48	e5	Rf7	68		
9	b4	a5	29	Qg4	Kh7	49	e6	Rf2	69		
10	b5	Nbd7	30	Qh4	Kg8	50	e7	Kd7	70		
11	a4	Qe7	31	e4	Nb4	51	Qe3	Kd6	71		
12	Ba3	Ne4	32	g4	Rd2	52	Qd2	h4	72		
13	Qc2	f5	33	Kh1	Kh7	53	Qd4	Kd7	73		
14	Kd2	Nd6	34	Bf4	Re2	54	Qf6	Kd8	74		
15	c5	Bd5	35	Bd6	g4	55	g6	Rg6	75		
16	Nre4	f6	36	Rf6	h5	56	Qd6	Kd7	76		
17	e3	Rf7	37	Qg5	Rg7	57	Qf5	Kd6	77		
18	f3	e1	38	Qh6	Kg8	58	Qd7	Kd8	78		
19	Bf3	Bd3	39	g5	Nd3	59	Bd7	h3	79		
20	Rd3	d6	40	Rf6	Qf6	60	Qd5	Kb4	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
[Signature]			Gun-Endem			[Signature]			[Signature]		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026/8/29

Group: 11:46

Round: 9

Board: 4

WHITE Lee, Joo won											
BLACK Lv, Ruiqi											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h3	b7	41			61		
2	Ng3	e6	22	Qf2	b5	42			62		
3	d4	cd	23	Nxb5	Rxb5	43			63		
4	Nxb5	a6	24	Rxb5	Qx18	44			64		
5	Bb3	Qc7	25	Rc1	Qb8	45			65		
6	Qe2	d6	26	Ba7	Qa8	46			66		
7	c4	Nf6	27	Qb6	Rc8	47			67		
8	0-0	g6	28	Rx18	Qx18	48			68		
9	Nc3	Bb7	29	Qb6	Bf8	49			69		
10	Bb3	0-0	30	Qx18	Bx18	50			70		
11	f4	Nb7	31	Kf2	h6	51			71		
12	Ra1	Rc8	32	Ke3	Bb6	52			72		
13	Rf1	h6	33	Ke2	Kf7	53			73		
14	h4	Bb7	34	Bc3	g5	54			74		
15	Nb3	e5	35			55			75		
16	Nd5	Nd5	36			56			76		
17	cd	Qd8	37			57			77		
18	Qf1	et	38			58			78		
19	Qx18	Nc5	39			59			79		
20	Bb1	Bc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date: 2026/8/29

Group: 11:46

Round: 9

Board: 4

WHITE Lee, Joo won											
BLACK Lv, Ruiqi											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	h3	Bb7	41			61		
2	Nf3	e6	22	Qf2	b5	42			62		
3	d4	cd4	23	Nb5	Rb5	43			63		
4	Nxd4	a6	24	Rxb5	Qx18	44			64		
5	Bd3	Qc7	25	Rc1	Qb8	45			65		
6	Qe2	d6	26	Ba7	Qa8	46			66		
7	c4	Nf6	27	Qb6	Rc8	47			67		
8	0-0	g6	28	Rx18	Qx18	48			68		
9	Nc3	Bb7	29	Qb6	Bf8	49			69		
10	Bb3	0-0	30	Qx18	Bx18	50			70		
11	f4	Nb7	31	Kf2	h6	51			71		
12	Ra1	Rc8	32	Ke3	Bb6	52			72		
13	Rf1	h6	33	Ke2	Kf7	53			73		
14	h4	Bb7	34	Bc3	g5	54			74		
15	Nb3	e5	35			55			75		
16	Nd5	Nd5	36			56			76		
17	cd	Qd8	37			57			77		
18	Qf1	et	38			58			78		
19	Qx18	Nc5	39			59			79		
20	Bb1	Bc8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/20

11:27

Group B14

Round 9

Board 05

WHITE Ch'ng Kai Xue Edric												FED MAS	RESULT(W)
BLACK Li Xiang												FED CHN	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Rd1	Bc6	41			61				
2	c4	e6	22	Nd2	Bd4	42			62				
3	Nf3	d5	23	b5	Bxc3	43			63				
4	Bg5	dxc4	24	Rc2	Rd4	44			64				
5	e4	c5	25	Nc4	Rg6	45			65				
6	Bxc4	cxr4	26	Rxb4	Rd4	46			66				
7	Bxf6	Bxf6	27	h3	Bxc4	47			67				
8	Bxd4	Bxd4	28	bxc4	Rxc4	48			68				
9	Nxd4	a6	29	Bb5	Rd1	49			69				
10	O-O	b5	30	Kf1	Kf8	50			70				
11	Bb3	Bc7	31	f5	Ke7	51			71				
12	a4	O-O	32	Rc2	Kd6	52			72				
13	Nf3	Rd8	33	Rc2	Kd6	53			73				
14	Rc2	d4	34	Rc2		54			74				
15	Nbd2	Nd7	35			55			75				
16	Rf1	Nc5	36			56			76				
17	Nb3	Rb8	37			57			77				
18	Nb3	Bb7	38			58			78				
19	Nxc5	Bxc5	39			59			79				
20	Nb5	Bb6	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]			[Signature]			[Signature]							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29/06/26

11:27

Group B14

Round 9

Board 05

WHITE Edric Ch'ng												FED MAS	RESULT(W)
BLACK Li Xiang												FED CHN	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Nf6	21	Rd1	Bc6	41			61				
2	c4	e6	22	Nd2	Bd4	42			62				
3	Nf3	d5	23	B3	Bc3	43			63				
4	Bg5	dxc4	24	Rc2	Rd4	44			64				
5	e4	c5	25	Nc4	Rg6	45			65				
6	Bxc4	cxr4	26	Rxb4	Rd4	46			66				
7	Bxf6	Bxf6	27	h3	Bxc4	47			67				
8	Bxd4	Bxd4	28	bxc4	Rxc4	48			68				
9	Nxd4	a6	29	Bb5	Rd1	49			69				
10	O-O	b5	30	Kf1	Kf8	50			70				
11	Bd3	Bc7	31	f5	Ke7	51			71				
12	a4	O-O	32	Rc2	Kd6	52			72				
13	Nf3	Rd8	33	Rc2	Ke5	53			73				
14	Bc2	B4	34	Ke3	Rd8	54			74				
15	Nbd2	Nd7	35			55			75				
16	Rf1	Nc5	36			56			76				
17	Nb3	Rb8	37			57			77				
18	Nb3	Bb7	38			58			78				
19	Nxc5	Bxc5	39			59			79				
20	Nb5	Bb6	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
[Signature]			[Signature]			[Signature]							

B14-3-6

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.29

12:26

Group

B14

Round

9

Board

6

WHITE Xia Peicheng											
BLACK Lin, Jhen-Jie											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd2	Rf6	41			61		
2	c4	e5	22	f4	Rg6	42			62		
3	dxe5	Ng4	23	g3	Ng4	43			63		
4	Nf3	Bc5	24	f5	Rd1	44			64		
5	e3	Nc6	25	Rxe1	h5	45			65		
6	Nc3	Nxe5	26	h3	Ne5	46			66		
7	Nxe5	Nxe5	27	Txg6	Nf3+	47			67		
8	Be2	O-O	28	Kf2	Qf6	48			68		
9	O-O	d6	29	Re4	Bxe8	49			69		
10	Na4	Bb6	30	Bxf3	Bxg6	50			70		
11	Nxb6	axb6	31	Qc3	Qe6	51			71		
12	Qc2	f5	32	Bd5	Bf7	52			72		
13	b3	Qe7	33	Bxe6	Bxe6	53			73		
14	Bb2	f4	34	Qe3	Bf7	54			74		
15	exf4	Rxf4	35	Bc3	Kf3	55			75		
16	Q4	Bd7	36	Qg5	g6	56			76		
17	Rae1	Re9	37	Qd4	Be9	57			77		
18	Bc3	Qf8	38	Bf6	Kf7	58			78		
19	Bd1	Bc6	39	Qe4		59			79		
20	f3	Qf7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Peicheng				Lin, Jhen-Jie				3			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.29

12:26

Group

B14

Round

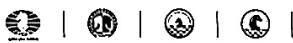
9

Board

6

WHITE Xia Peicheng											
BLACK Lin, Jhen-Jie											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bd2	Rf6	41			61		
2	c4	e5	22	f4	Rg6	42			62		
3	dxe5	Ng4	23	g3	Ng4	43			63		
4	Nf3	Bc5	24	f5	Rxe1	44			64		
5	e3	Nc6	25	Rxe1	h5	45			65		
6	Nc3	Nxe5	26	h3	Ne5	46			66		
7	Nxe5	Nxe5	27	Txg6	Nf3+	47			67		
8	Be2	O-O	28	Kf2	Qf6	48			68		
9	O-O	d6	29	Re4	Bxe8	49			69		
10	Na4	Bb6	30	Bxf3	Bxg6	50			70		
11	Nxb6	axb6	31	Qc3	Qe6	51			71		
12	Qc2	f5	32	Bd5	Bf7	52			72		
13	b3	Qe7	33	Bxe6	Bxe6	53			73		
14	Bb2	f4	34	Qe3	Bf7	54			74		
15	exf4	Rxf4	35	Bc3	Kf3	55			75		
16	Q4	Bd7	36	Qg5	g6	56			76		
17	Rae1	Re9	37	Qd4	Be9	57			77		
18	Bc3	Qf8	38	Bf6	Kf7	58			78		
19	Bd1	Bc6	39	Qe4		59			79		
20	f3	Qf7	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Xia Peicheng				Lin, Jhen-Jie				3			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

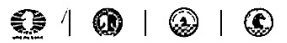


Date 8/29

Board 7

WHITE Fang xue xiang												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Lee, Gyu yeon												FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Ng6	21	Rf3	Ng4	41			61				
2	c4	e6	22	Rf7	Ng6	42			62				
3	Ng3	Bb4	23	Rd1	Roe8	43			63				
4	f3	d6	24	Bf3	Ng8	44			64				
5	e4	c5	25	Rb1	Ng6	45			65				
6	d5	b5	26	Ra1	Red8	46			66				
7	Ng2	O-O	27	Rc1	Rd2	47			67				
8	Nf4	e6	28	c5	Ng1	48			68				
9	Nf5	Be6	29	c6	Rf3	49			69				
10	Ng4	c6	30	Rd1	Rg2	50			70				
11	Ng5	Nc6	31	Kg2	Rg3	51			71				
12	Be3	Ng8	32	Kg3	Kh8	52			72				
13	Be2	f5	33	Rd8#		53			73				
14	O-O	Ng5	34			54			74				
15	Ng4	Nc7	35			55			75				
16	Ng6	Ng6	36			56			76				
17	Qd5	Qf6	37			57			77				
18	Bg5	Qf7	38			58			78				
19	Qd6	Nf7	39			59			79				
20	Rf7	Ng5	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				5	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29

Board 7

WHITE Fahg, yuexiang												FED CHN	RESULT (W)
BLACK Lee Gyu yeon												FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	d4	Ng6	21	Pf5	Ng5	41			61				
2	c4	e6	22	Pf4	Ng6	42			62				
3	Ng3	Bb4	23	Pf6	Pf6	43			63				
4	f3	d6	24	Bf3	Ng8	44			64				
5	e4	c5	25	Pf7	Ng6	45			65				
6	d5	b5	26	Pf4	Pf8	46			66				
7	Ng2	O-O	27	Pf1	Pf2	47			67				
8	Nf4	e6	28	c5	Ng1	48			68				
9	Nf5	Be6	29	c6	Pf3	49			69				
10	Ng4	c6	30	Pf1	Pf2	50			70				
11	Ng5	Nc6	31	Ng2	Pf3	51			71				
12	Be3	Ng8	32	Pf3	Ng8	52			72				
13	Be2	f5	33	Pf3		53			73				
14	O-O	Ng5	34			54			74				
15	Ng4	Nc7	35			55			75				
16	Ng6	Ng6	36			56			76				
17	Qd5	Qf6	37			57			77				
18	Bg5	Qf7	38			58			78				
19	Qd6	Nf7	39			59			79				
20	Rf7	Ng5	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)				5	

B64

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 29-8-2026 Board 8

12:40

Group B14

Round 9

WHITE Lam, Ethan										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Kurniawan, Theodore Daniel										FED INA	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng3	NH4	41	Nd2	Qe5	61	C4	g1=Q
2	Nf3	Nc6	22	Qb5	Rf6	42	Nf3	Qe7	62	C5	Qd4
3	Bc4	Bc5	23	Nh4	Rh8	43	N5+	E16	63	Ka6	Qxb4
4	c3	Nf6	24	Ng5	Qb8	44	Nf3	Qf6	64	C6	Ra3
5	d3	d6	25	Kh2	g6	45	Qg2	h4	65	C7	Rxa4
6	h3	a5	26	Ng3	Rf7	46	Nxh4	Qx4	66		
7	a4	h6	27	Nf3	Qc8	47	Qe3	Qg5+	67		
8	O-O	O-O	28	Rd2	Kh3	48	Kf1	C5	68		
9	Re1	Be6	29	Nxe5	Qxe5	49	Qd2	Rf7	69		
10	Bxe6	fxe6	30	gxf3	Ng5	50	Qa5	Qf4	70		
11	Qb3	Qd7	31	Qf1	Nf3+	51	Ke2	Qf2+	71		
12	Be3	Bx3	32	Rxf3	Rxf3	52	Kd3	Rf3+	72		
13	Rxe3	Kh7	33	Qg2	R3	53	Kc4	Qc2+	73		
14	Nbd2	Nh5	34	Nf1	Qe6	54	Kb3	C4+	74		
15	J4	exd4	35	Ne3	C6	55	Qxc4	Qxc4+	75		
16	Nxd4	e5	36	Ng4	h5	56	Kxc4	Rf3	76		
17	Ne2	Nd8	37	Ne3	Rd7	57	Kb5	g5	77		
18	Rd1	b6	38	Rxd7	Qxd7	58	Kxb6	g4	78		
19	Nf3	Qe7	39	Nc4	Qe7	59	Kxe5	J3	79		
20	Qd5	Ne6	40	ag3	Rf4	60	h4	g2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ethan Lam			Theodore Kurniawan			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date 29-8-2026 Board 8

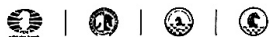
12:40

Group B14

Round 9

WHITE Lam, Ethan										FED TPE	RESULT (W)
BLACK Kurniawan, Theodore Daniel										FED INA	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ng3	NH4	41	Nd2	Qe5	61	C4	g1=Q
2	Nf3	Nc6	22	Qb5	Rf6	42	Nf3	Qe7	62	C5	Qd4
3	Bc4	Bc5	23	Nh4	Rh8	43	Ng5+	Kh6	63	Ka6	Qxb4
4	c3	Nf6	24	Ng5	Qb8	44	Nf3	Qf6	64	C6	Ra3
5	d3	d6	25	Kh2	g6	45	Qg2	h4	65	C7	Rxa4
6	h3	a5	26	Ng3	Rf7	46	Nxh4	Qx4	66		
7	a4	h6	27	Nf3	Qc8	47	Qe3	Qg5+	67		
8	O-O	O-O	28	Rd2	Kh3	48	Kf1	C5	68		
9	Re1	Be6	29	Nxe5	Qxe5	49	Qd2	Rf7	69		
10	Bxe6	fxe6	30	gxf3	Ng5	50	Qa5	Qf4	70		
11	Qb3	Qd7	31	Qf1	Nf3+	51	Ke2	Qf2+	71		
12	Be3	Bx3	32	Rxf3	Rxf3	52	Kd3	Rf3+	72		
13	Rxe3	Kh7	33	Qg2	R3	53	Kc4	Qc2+	73		
14	Nbd2	Nh5	34	Nf1	Qe6	54	Kb3	C4+	74		
15	J4	exd4	35	Ne3	C6	55	Qxc4	Qxc4+	75		
16	Nxd4	e5	36	Ng4	h5	56	Kxc4	Rf3	76		
17	Ne2	Nd8	37	Ne3	Rd7	57	Kb5	g5	77		
18	Rd1	b6	38	Rxd7	Qxd7	58	Kxb6	g4	78		
19	Nf3	Qe7	39	Nc4	Qe7	59	Kxe5	J3	79		
20	Qd5	Ne6	40	ag3	Rf4	60	h4	g2	80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Ethan Lam			Theodore Kurniawan			Z					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026

B14

11:07

Group	V14
Round	9
Board	9

WHITE Wuy Xing										FED HKG	RESULT (V)
BLACK Song Jihun										FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd4	Qc5	41	g4	h5	61		
2	Nf3	g6	22	Qc4	Re5	42	h4	Qd7	62		
3	d4	cxd4	23	Qx5	Rd7	43	Qx5	Qd7	63		
4	Nxd4	Nf6	24	Bx7	Rd4	44			64		
5	Nc3	Nc6	25	Rd4	Kx8	45			65		
6	Bc2	Bg7	26	Rd7	Kc8	46			66		
7	f3	Qb6	27	Rd7	Rc8	47			67		
8	Nd4	Qa5	28	Rd7	Rd7	48			68		
9	Q3	Qc1	29	Rd7	Kc7	49			69		
10	B2	d5	30	Rd8	d4	50			70		
11	Nxg6	Bx6	31	Kd5	d4	51			71		
12	Q5	Nd7	32	Kc2	Rd1	52			72		
13	f4	Bd6	33	Rd7	Rd7	53			73		
14	B4	Bd2	34	Rd7	Kc8	54			74		
15	Qxg6	Bd1	35	Kc4	Rc7	55			75		
16	Kd1	Rd8	36	Kb5	Kc8	56			76		
17	Nc5	Rd3	37	Rd8	Rd2	57			77		
18	Qc5	Bf8	38	Kc5	Rd7	58			78		
19	Kc2	Rd5	39	Kd6	Rd7	59			79		
20	Bd4	Rd8	40	Rd5	Kd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			5		

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29

B14

11:07

Group	V14
Round	9
Board	9

WHITE Wuy Xing										FED HKG	RESULT (V)
BLACK Song Jihun										FED KOR	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd4	Qc5	41	g4	h5	61		
2	Nf3	g6	22	Qc4	Re5	42	h4	Qd7	62		
3	d4	cxd4	23	Qx5	Rd7	43	Qx5	Qd7	63		
4	Nxd4	Nf6	24	Bx7	Rd4	44			64		
5	Nc3	Nc6	25	Rd4	Kx8	45			65		
6	Bc2	Bg7	26	Rd7	Kc8	46			66		
7	f3	Qb6	27	Rd7	Rc8	47			67		
8	Nd4	Qa5	28	Rd7	Rd7	48			68		
9	Q3	Qc1	29	Rd7	Kc7	49			69		
10	B2	d5	30	Rd8	d4	50			70		
11	Nxg6	Bx6	31	Kd5	d4	51			71		
12	Q5	Nd7	32	Kc2	Rd1	52			72		
13	f4	Bd6	33	Rd7	Rd7	53			73		
14	B4	Bd2	34	Rd7	Kc8	54			74		
15	Qxg6	Bd1	35	Kc4	Rc7	55			75		
16	Kd1	Rd8	36	Kb5	Kc8	56			76		
17	Nc5	Rd3	37	Rd8	Rd2	57			77		
18	Qc5	Bf8	38	Kc5	Rd7	58			78		
19	Kc2	Rd5	39	Kd6	Rd7	59			79		
20	Bd4	Rd8	40	Rd5	Kd7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			5		

WHITE				BLACK				FED		RESULT (V)	
Li, YUJEN				Fodorham Galtwater				CHN		0	
								FED		RESULT (B)	
								NGL		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	04	N46	21	024	R009				61		
2	04	06	22	R001	06				62		
3	N43	05	23	05	007				63		
4	03	009	24	003	05				64		
5	N03	0-0	25	003	04				65		
6	003	06	26	004	004				66		
7	04	00	27	R04	007				67		
8	N04	05	28	005	008				68		
9	N05	003	29	R03	007				69		
10	00	N007	30	004	R008				70		
11	003	05	31	03	005				71		
12	002	007	32	R003	03				72		
13	0-0	N05	33	R03	R03				73		
14	005	005	34	003	004				74		
15	R001	R00	35	001	00				75		
16	03	05	36						76		
17	04	007	37						77		
18	05	004	38						78		
19	N05	00	39						79		
20	N04	N04	40						80		

SIGNATURE (WHITE)

SIGNATURE (BLACK)

SIGNATURE (ARBITER)

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 01/12/2026 Board 11

WHITE I veelt, Batsukhyan						FED MGL		RESULT (W) 0									
BLACK Gabriel Givero						FED PHI		RESULT (B) 1									
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK						
1	e4	c5	21	Rxb1	Rxb8	41	Kf3	b4	61								
2	Nf3	e6	22	Nc5	a5	42	Rb4	Rb1	62								
3	d4	cx d4	23	Rael	N13	43	Ra5	Kg6	63								
4	Nxd4	a6	24	Rf4	Rd8	44	Ke3	Ph1	64								
5	Nc3	Qc7	25	Rg6	Kf8	45	g3	Ra1	65								
6	pd3	Nf6	26	c3	8d5	46	Ra4	b3	66								
7	O-O	Nc6	27	Be4	Bce4	47	axb3	a2	67								
8	Nxb6	dx b6	28	Rxe9	Ng5	48			68								
9	f4	e5	29	Nd7	Kg8	49			69								
10	f5	Bc5	30	Rxd4	Kg7	50			70								
11	Kh1	h5	31	Nc5	Rnd4	51			71								
12	Qf3	b5	32	cx d1	Re8	52			72								
13	Be3	Bd4	33	Rc1	Nxe5	53			73								
14	Qg3	Qe7	34	dx e5	Ra5	54			74								
15	Rxd4	Rxd4	35	Rxb6	Re2	55			75								
16	e5	Ng4	36	Ri5	Rxb2	56			76								
17	f6	gxf6	37	Rxb5	Kg6	57			77								
18	Rxb6	Qd8	38	Rg1	Kf5	58			78								
19	Nc4	Bxb6	39	Kh2	a4	59			79								
20	h4	Qb8	40	Kc3	a3	60			80								
SIGNATURE (WHITE) I veelt						SIGNATURE (BLACK) Givero						SIGNATURE (ARBITER) I					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 01/12/2026 Board 11

WHITE I veelt, Batsui Khan						FED MGL		RESULT(W) 0			
BLACK Givero, Gabriel						FED PHI		RESULT(B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rxb1	Rxb8	41	Kf3	b4	61		
2	Nf3	e6	22	Nc5	a5	42	Rb4	Rb1	62		
3	d4	cx d4	23	Rael	N13	43	Ra5	Kg6	63		
4	Nxd4	a6	24	Rf4	Rd8	44	Ke3	Ph1	64		
5	Nc3	Qc7	25	Rg6	Kf8	45	g3	Ra1	65		
6	bd3	Nf6	26	c3	8d5	46	Ra4	b3	66		
7	O-O	Nc6	27	Be4	Bce4	47	axb3	a2	67		
8	Nxb6	dx b6	28	Rxe9	Ng5	48			68		
9	f4	e5	29	Nd7	Kg8	49			69		
10	f5	Bc5	30	Rxd4	Kg7	50			70		
11	Kh1	h5	31	Nc5	Rnd4	51			71		
12	Qf3	b5	32	cx d1	Re8	52			72		
13	Be3	Bd4	33	Rc1	Nxe5	53			73		
14	Qg3	Qe7	34	dx e5	Ra5	54			74		
15	Rxd4	Rxd4	35	Rxb6	Re2	55			75		
16	e5	Ng4	36	Ri5	Rxb2	56			76		
17	f6	gxf6	37	Rxb5	Kg6	57			77		
18	Rxb6	Qd8	38	Rg1	Kf5	58			78		
19	Nc4	Bxb6	39	Kh2	a4	59			79		
20	h4	Qb8	40	Kc3	a3	60			80		
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
I veelt						Givero		I			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/24

Group B/4
Round 9
Board 12

WHITE Pu, Jing											
BLACK Wang, Yu-chi Xavier											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd3	Be2	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Qf5	Bg4	42			62		
3	f4	d5	23	Qd3	Be2	43			63		
4	fxe5	Nxe4	24	Qf5		44			64		
5	Qxf3	Nxc3	25			45			65		
6	bxc3	c5	26			46			66		
7	Bb5	Nc6	27			47			67		
8	Qg3	Be6	28			48			68		
9	Ne2	h5	29			49			69		
10	h4	Bg4	30			50			70		
11	Nxf4	Be7	31			51			71		
12	Qf2	0-0	32			52			72		
13	Bxc6	bxc6	33			53			73		
14	g3	Qc7	34			54			74		
15	d4	Cd4	35			55			75		
16	Gd4	Bb4	36			56			76		
17	pd2	Bxd2	37			57			77		
18	Qxd2	f6	38			58			78		
19	Nb6	Rf8	39			59			79		
20	0-0	Qf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pu, Jing				SIGNATURE (BLACK) Wang, Yu-chi Xavier				SIGNATURE (ARBITER) 王			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/28/24

Group B/4
Round 9
Board 12

WHITE Pu, Jing											
BLACK Wang, Yu-chi Xavier											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Qd3	Be2	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Qf5	Bg4	42			62		
3	f4	d5	23	Qd3	Be2	43			63		
4	fxe5	Nxe4	24	Qf5		44			64		
5	Qxf3	Nxc3	25			45			65		
6	bxc3	c5	26			46			66		
7	Bb5	Nc6	27			47			67		
8	Qg3	Be6	28			48			68		
9	Ne2	h5	29			49			69		
10	h4	Bg4	30			50			70		
11	Nxf4	Be7	31			51			71		
12	Qf2	0-0	32			52			72		
13	Bxc6	bxc6	33			53			73		
14	g3	Qc7	34			54			74		
15	d4	Cd4	35			55			75		
16	Cd4	Bb4	36			56			76		
17	Bd2	Bxd2	37			57			77		
18	Qxd2	f6	38			58			78		
19	Nb6	Rf8	39			59			79		
20	0-0	Qf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Pu, Jing				SIGNATURE (BLACK) Wang, Yu-chi Xavier				SIGNATURE (ARBITER) 王			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29/05/26

Group B14
Round 9
Board 13

WHITE Wang Yanxiang											
BLACK Ryu Lieranto											
FED CHN						RESULT(W) 1					
FED INA						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	d5	Rxd5	41	Kd3	Kf4	61	Kd5	Kf5
2	c3	Nc6	22	Bxg7	f6	42	Ke2	h5	62	Bg3	h4
3	Nf3	g6	23	Rxd5	Kxd5	43	Bd2	Ke5	63	Bl2	h3
4	d4	Cxd4	24	h4	Kc4	44	Kd3	Kd5	64	Kd4	Bf9
5	Cxd4	d5	25	Kd2	Kb3	45	F4	Kc5	65	Kc3	Kf5
6	Cxd5	Qxd5	26	Re1	Kxb2	46	Kc3	g5	66	Kf2	Kf5
7	Nc3	Qa5	27	Rxc7	Kxb3	47	Be3	Kd5	67	Kg3	Bf5
8	Bd2	a6	28	Bxf6	h6	48	Kt3	Ke4	68	Ka23	Ke5
9	Qa4	Qxa4	29	Rxc3	Kt4	49	Bb6	a4	69	Kg3	Kt5
10	Nxa4	Be6	30	Kc2	Kc4	50	Kb4	Kxf4	70	F4	Kf6
11	a3	Nf6	31	Re4	Kd5	51	Be3	Kg4	71	Kg4	Kt6
12	Be3	Bg7	32	Re5	Kd6	52	Bg5	Kf5	72	Bg1	Kt6
13	Be3	Rb8	33	Kd5	Kd5	53	F3	Kc5	73	Bc5	Kt6
14	h3	Bd5	34	Re3	—	54	Bc1	Kf5	74	Ba3	Kf6
15	Nb6	Bxf3	35	Be3	b5	55	Ka5	a3	75	F4	Kf2
16	gxf3	Nd7	36	Rd3	Kc6	56	Ba3	g5	76	Kg5	Kg7
17	Nxd7	Kxd7	37	Kb3	Rc8	57	h4	Kg4	77	Ff	Kf7
18	Rd1	Rhd8	38	Bb4	Rc6	58	Bd6	Kf5	78	Kf5	Kg8
19	Be4	Kc7	39	Rc3	Rc3	59	Kc5	Kc6	79	Kt6	—
20	Bxc6	Kxc6	40	Kxc3	Ke5	60	Bl2	Kf6	80	Kef	Kt9
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wang Yanxiang				Ryu				J			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29/05/26

Group B14
Round 9
Board 13

WHITE Wang Yanxiang											
BLACK Ryu Lieranto											
FED CHN						RESULT(W) 1					
FED INA						RESULT(B) 0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	E7	Kh7	21			41			61		
2	Fg=	Kt6	22			42			62		
3	Bb6		23			43			63		
4	Rg9	Kh7	24			44			64		
5	Rg1	Kt6	25			45			65		
6	Kf5	Kh7	26			46			66		
7	Kf6	Kt9	27			47			67		
8	Kf7	Kt7	28			48			68		
9	Rh1#		29			49			69		
10			30			50			70		
11			31			51			71		
12			32			52			72		
13			33			53			73		
14			34			54			74		
15			35			55			75		
16			36			56			76		
17			37			57			77		
18			38			58			78		
19			39			59			79		
20			40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Wang Yanxiang				Ryu				J			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.29 Board 13

13:06

Group B14

Round 9

WHITE Wang Yanxiang												FED	RESULT(W)
BLACK Liyantu, Ryu Manson												FED	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4c1'20	c5j1'20	21	d5c5	rd5c20	41	K2	h4	61	h3	h4		
2	c3j1'20	Nc6j1'20	22	B07b5	f6c7a	42	B2	K2	62	B2	h3		
3	Nf3c1'20	g6q1'20	23	Rd5c5	Kd5c20	43	Kd3	Kd3	63	Kd4	Kf6		
4	d4j1'17	cd4p2	24	h4	Kc4	44	f4	Kc5	64	Ke3	Kc4		
5	cd4j1'16	d5j1'20	25	Kd2	Kb2	45	Kc3	d5	65	Kf2	Kd5		
6	edc1'15	Qd5j1'20	26	Re1	Kb2	46	Be3	Kd5	66	Kg3	Kf5		
7	Nc3j1'12	Qd5j1'20	27	Re7	Ka3	47	Kb3	Kc4	67	Kd3	Kg5		
8	Bd2j1'07	a6b6j1'17	28	Bf6	h6	48	Bb6	a4	68	Kd3	Kf5		
9	Qd4j1'08	Qd4j1'17	29	Re3	Kb3	49	Kb3	Kf4	69	f4	Kf6		
10	Nd4j1'09	Bd4j1'09	30	Kc2	Kc4	50	Be3	Kd4	70	Kd4	Kd6		
11	d3j1'05	Nf6j1'16	31	Re4	Kd5	51	Bd3	Kf5	71	Bd1	Kf6		
12	Bd3j1'01	Bd3j1'12	32	Re5	Kd6	52	f3	Kf5	72	Bc5	Kd6		
13	Bc3j1'00	Rb3j1'12	33	Re3	Kd5	53	Rc1	Kf5	73	Bd3	Kf6		
14	h3c2	Bd5j1'00	34	Bc3	h5	54	Kb5	a3	74	f5	Kf7		
15	Nb6j1'04	Bf3j1'03	35	Rd3	Kd6	55	Bd3	g5	75	Kd5	Kd7		
16	gf1j1'17	Nd7j1'03	36	Kb3	Rc8	56	h0	Kd5	76	f6	Kf7		
17	Nd7j1'01	Kd7j1'03	37	Bb4	Rc6	57	Bd4	Kf5	77	Kf5	Kd8		
18	Rd1j1'09	Rd7j1'03	38	Rc3	Rc3	58	Kd5	Kd6	78	Kd6	Kf8		
19	Be4j1'07	Kc7j1'03	39	Kc3	Kc3	59	Bd2	Kf6	79	f7	Kd7		
20	Bc6j1'06	Kb6j1'03	40	Kd3	Kf4	60	Kd5	Kf5	80	f8/R	Kd6		
SIGNATURE (WHITE) Wang Yanxiang												SIGNATURE (BLACK) Ryu	
												SIGNATURE (ARBITER) J	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.08.29 Board 13

13:06

Group B14

Round 9

WHITE Wang Yanxiang												FED	RESULT(W)
BLACK Liyantu, Ryu Manson												FED	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	Rg8	Kh7	21			41			61				
2	Rg1	Kh6	22			42			62				
3	Kf5	Kh7	23			43			63				
4	Kf6	Kh7	24			44			64				
5	Kf7	Kh7	25			45			65				
6	Rh1		26			46			66				
7			27			47			67				
8			28			48			68				
9			29			49			69				
10			30			50			70				
11			31			51			71				
12			32			52			72				
13			33			53			73				
14			34			54			74				
15			35			55			75				
16			36			56			76				
17			37			57			77				
18			38			58			78				
19			39			59			79				
20			40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) Wang Yanxiang												SIGNATURE (BLACK) Ryu	
												SIGNATURE (ARBITER) J	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



~2026.8.29~

Date

Board

11:30

Group

Round

Board

WHITE: ALEKH SODOMBO												FED		RESULT (W)	
BLACK: Zhang, Xi												FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Rc1	Rd1	41			61						
2	d4	d5	22	Rc1	Rxc1	42			62						
3	c4	c5	23	Rc1	Bb6	43			63						
4	g4	c5	24	Rc1	Nd4	44			64						
5	d4	d5	25	Bc1	Bd4	45			65						
6	Nf3	Nf4	26	Nc2	Bd4	46			66						
7	O-O	O-O	27	Nd2	Rd4	47			67						
8	Nc3	Nc6	28	Nc5	d5	48			68						
9	Nc2	f6	29	Kp2	Nd5	49			69						
10	h3	g6	30	Kc2	Rc6	50			70						
11	b3	Bd4	31	Nd4	Rc8	51			71						
12	Bb2	Qd7	32	Nf5	Rc6	52			72						
13	Rc1	Rd8	33	Rd1	Nb6	53			73						
14	a3	a6	34	Rd6	Rd6	54			74						
15	c4	Qd7	35	Nd6	Kg6	55			75						
16	b4	dxc4	36	Nd6		56			76						
17	gxc4	Bxc4	37			57			77						
18	Bd4	Rd7	38			58			78						
19	Rd1	Rd8	39			59			79						
20	Nf4	Kf7	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE)												SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Zhang												Zhang		Zhang	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



~2026.8.29~

Date

Board

11:30

Group

Round

Board

WHITE: Altansymba, Davranov												FED		RESULT (W)	
BLACK: Zhang, Xi												FED		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#
1	e4	e6	21	Rc8	Rd1	41			61						
2	d4	d5	22	Rc1	Rc1	42			62						
3	cd	ed	23	Rc1	Bb6	43			63						
4	Bd3	c5	24	Rd1	Nd4	44			64						
5	dc	Bc1	25	Bd4	Bd4	45			65						
6	Nf3	Nf4	26	Nc6	Bd4	46			66						
7	O-O	O-O	27	Kf3	Rd4	47			67						
8	Nc3	Nc6	28	Nc5	d5	48			68						
9	Nc2	f6	29	Kc2	Nd5	49			69						
10	h3	g6	30	Kf2	Rc6	50			70						
11	b3	Bd4	31	Nd4	Rc8	51			71						
12	Bb2	Qd7	32	Nf5	Rc6	52			72						
13	Rc1	Rd8	33	Rd1	Nb6	53			73						
14	a3	a6	34	Rd6	Rd6	54			74						
15	c4	Qd7	35	Nd6	Kg6	55			75						
16	b4	dc	36	Nd6		56			76						
17	Bc4	Bc4	37			57			77						
18	Qd7	Rd7	38			58			78						
19	Rc4	Rd8	39			59			79						
20	Nf4	Kf7	40			60			80						
SIGNATURE (WHITE)												SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Zhang												Zhang		Zhang	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



U: 24

Group B14

Round 9

Date August 29

Board 15

WHITE: Lionel Decasa Basilio											
BLACK: Chen Yi-Hsiang Gabriel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc6	Qg5	41			61		
2	c4	e6	22	h4	Qxh4	42			62		
3	Nc3	af5	23	Gxh6	Bg4	43			63		
4	Bf4	dxc4	24	Rc4	Lxb2	44			64		
5	a4	Nf6	25	Qb5	Qc7	45			65		
6	e3	c5	26	Qa4	Qc6	46			66		
7	Bxc4	Nc6	27	Nc5	Bxc5	47			67		
8	Nf3	Bc7	28	Rxc5	Rb8	48			68		
9	O-O	O-O	29	Rxc8	Rxc8	49			69		
10	Qe2	Cxd4	30	Qb5	Qg4	50			70		
11	Rfd1	Nh5	31	Qd4	Bxg2	51			71		
12	Bg5	Qb6	32			52			72		
13	Bxd4	Nxd4	33			53			73		
14	Nxd4	Nf6	34			54			74		
15	Rac1	e5	35			55			75		
16	Nb3	Bf5	36			56			76		
17	af6	Qc6	37			57			77		
18	Nd5	Nxd5	38			58			78		
19	Bd5	Qf6	39			59			79		
20	Bxb7	Rb8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Gabriel				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



U: 24

Group B14

Round 9

Date August 29

Board 15

WHITE: Decasa Basilio, Lionel											
BLACK: Chen Yi-Hsiang Gabriel											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rc6	Qg5	41			61		
2	c4	e6	22	h4	Qxh4	42			62		
3	Nc3	af5	23	Qxh6	Be4	43			63		
4	Bf4	dc	24	Rc4	Bxb7	44			64		
5	a4	Nf6	25	Qb5	Qf6	45			65		
6	e3	c5	26	Qa4	Qc6	46			66		
7	Bxc4	Nc6	27	Nc5	Bxc5	47			67		
8	Nf3	Bc7	28	Rxc5	Rc8	48			68		
9	O-O	O-O	29	Rxc8	Rxc8	49			69		
10	Qe2	Cxd4	30	Qb5	Qg4	50			70		
11	Rd1	Nh5	31	Qd4	Bxg2	51			71		
12	Bg5	Qb6	32			52			72		
13	Bxd4	Nxd4	33			53			73		
14	Nxd4	Nf6	34			54			74		
15	Rac1	e5	35			55			75		
16	Nb3	Bf5	36			56			76		
17	a5	Qc6	37			57			77		
18	Nd5	Nxd5	38			58			78		
19	Bxb7	Qf6	39			59			79		
20	Bxb7	Rb8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Gabriel				Z			

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.16 Board 16

WHITE Johnny En Raei												FED TPE	RESULT(W)
BLACK Wenzhuo												FED CHN	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	1. d4	Kd6	41			61				
2	d4	d5	22	Nb5	Kg8	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	a4	Kb6	43			63				
4	e5	Nh7	24	1. d4	a5	44			64				
5	Nf3	c5	25	1. d4	h6	45			65				
6	Bg5	Qb6	26	Qd7		46			66				
7	d6	Bc5	27	Kd7		47			67				
8	Qd2	Bj2	28	1. d4	a5	48			68				
9	a4	Qb2	29	Qd7		49			69				
10	Kd2	Qa4	30	Kc4		50			70				
11	Bb5	a4	31	1. d4	a5	51			71				
12	Qd5	Qa2	32	1. d4	a5	52			72				
13	Qd1	Qd7	33	Qd7		53			73				
14	Kd2	Qa2	34	Qd7		54			74				
15	1. d4	Qa2	35	Kc5		55			75				
16	1. d4	Qa2	36	1. d4	a5	56			76				
17	1. d4	Qa2	37	Kc7		57			77				
18	Qd8	Kb7	38	1. d4	a5	58			78				
19	a4	h7	39			59			79				
20	1. d4	Qa2	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) Johnny En Raei												SIGNATURE (BLACK) Wenzhuo	
												SIGNATURE (ARBITER) Z	

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.16 Board 16

WHITE Johnny En Raei												FED TPE	RESULT(W)
BLACK Wenzhuo												FED CHN	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Nd5	Kd6	41			61				
2	d4	d5	22	Nb6	Kb6	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	Qe8	Kb6	43			63				
4	e5	Nh7	24	Nd4	a5	44			64				
5	Nf3	c5	25	Nd6	h6	45			65				
6	Qg5	Qb6	26	1. d4	a5	46			66				
7	d6	Bc5	27	Nc7	Nc6	47			67				
8	Qd2	Bj2	28	Qxg5	Kb6	48			68				
9	a4	Qb2	29	Nd5	Kc5	49			69				
10	Kd2	Qa4	30	Nd3	Kb6	50			70				
11	Bb5	a4	31	Kc5	Kc7	51			71				
12	Qd5	Qa2	32	Nd5	Kd6	52			72				
13	Kc1	Qd7	33	Qxg8	b5	53			73				
14	Kd2	Qa2	34	Nd3	b4	54			74				
15	Nd2	fb	35	Kc9	Kc7	55			75				
16	e4	Qxg5	36	Nd5	Kd6	56			76				
17	Nxg5	fxg6	37	Qf7	Kab	57			77				
18	Qxc8	ke7	38	Qc7	Nd7	58			78				
19	Qxh8	fxg5	39	Qb7		59			79				
20	Bxg7	Kxd7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE) Johnny En Raei												SIGNATURE (BLACK) Wenzhuo	
												SIGNATURE (ARBITER) Z	

B14

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/24 Board 17

11:35

WHITE Hui Jin Peng												FED HKG	RESULT(W)
BLACK Wang Ze Yu												FED CHN	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Rc3	Rc8	41			61				
2	d4	d5	22	Rf3	Ke7	42			62				
3	Nc1	Bb4	23	g4	Rc3	43			63				
4	e5	c5	24	Rea	Re8	44			64				
5	a3	Ba5	25	Re8	Bc8	45			65				
6	Nf3	Nc6	26	c3	e5	46			66				
7	Bc2	cd	27	fe	Nc6	47			67				
8	Bd4	ab	28	Kf2	Ke5	48			68				
9	Bc2	Ne7	29	Ke3	f5	49			69				
10	Nh4	Nd9	30	g5	f4	50			70				
11	Qd4	Nc6	31	hd3	gfs	51			71				
12	Bg4	Bc3	32	Kd2	Bc4	52			72				
13	bc	Qa5	33	Bg4	Bf5	53			73				
14	O-O	Qc3	34	Bf3	d4	54			74				
15	Qg7	Qe5	35	h4	dc	55			75				
16	Qe5	Ne5	36	Kc3	De4	56			76				
17	f4	Ng6	37	Ke4		57			77				
18	Nh6	hg	38			58			78				
19	Ra6	b5	39			59			79				
20	Rb3	Bd7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Zh			WANG ZEYU			J							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 17

11:35

WHITE Hui Jin Peng												FED	RESULT(W)
BLACK Wang Ze Yu												FED	RESULT(B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e6	21	Rc3	Rc8	41			61				
2	d4	d5	22	Rf3	Ke7	42			62				
3	Nc3	Bb4	23	g4	Rc3	43			63				
4	e5	c5	24	Rxc3	Rc8	44			64				
5	a3	Ba5	25	Rxc8	Bxc8	45			65				
6	Nf3	Nc6	26	c3	e5	46			66				
7	Bc2	cd	27	fe	Ke8	47			67				
8	Bxd4	ab	28	K-e2	Kxc8	48			68				
9	Ke2	Ne7	29	Ke5	f5	49			69				
10	Nh4	Nd9	30	g5	f4	50			70				
11	Qxd4	Nc6	31	Kd3	b4	51			71				
12	Qg4	Bxc3	32	Kd2	b2	52			72				
13	bc	Qa5	33	b3	b6	53			73				
14	O-O	Qxc3	34	Ke3	g8	54			74				
15	Qxg7	Qxc3	35	h4	dc	55			75				
16	Qxc3	Nxc6	36	Kxc3	be4	56			76				
17	f4	Ng6	37	Bxc3	Ke4	57			77				
18	Nh6	hg	38			58			78				
19	Ra6	b5	39			59			79				
20	Rb3	Bd7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Zh			WANG ZEYU			J							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 29-8-2026 Board 18

WHITE: Sin Tsz Hin Zachary										FED	HKG	RESULT (W)
BLACK: Sung Sen Hin										FED	HKG	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4 (1:30)	e6 (1:29)	21	Bb5 (1:28)	Qd6 (4)	41			61			
2	g3 (1:31)	d3 (1:28)	22	Ra1 (1:19)	Rc8 (4)	42			62			
3	Bg2 (1:31)	Nf6 (1:27)	23	Bxc6 (1:18)	Rxc6 (4)	43			63			
4	Nf3 (1:29)	Be7 (1:26)	24	Rxc6 (1:18)	Rxc6 (4)	44			64			
5	0-0 (1:32)	0-0 (1:26)	25	Rc1 (1:19)	Rc1 (4)	45			65			
6	b3 (1:30)	Nb7 (1:27)	26	Bxc1 (1:19)	Bg5 (4)	46			66			
7	Bb2 (1:31)	c5 (1:22)	27	f4 (1:18)	Be7 (4)	47			67			
8	e3 (1:30)	b6 (1:21)	28	Qc3 (1:18)	b5 (3)	48			68			
9	Qe2 (1:32)	Bb7 (1:19)	29			49			69			
10	Rd1 (1:32)	Rc8 (1:13)	30			50			70			
11	d4 (1:29)	Rc8 (1:08)	31			51			71			
12	Ne5 (1:27)	h6 (5)	32			52			72			
13	Nc3 (1:28)	Nb8 (5)	33			53			73			
14	Qd2 (1:32)	cxd4 (5)	34			54			74			
15	exd4 (1:32)	Bc6 (5)	35			55			75			
16	Nxc6 (1:21)	Nxc6 (5)	36			56			76			
17	cxd5 (1:23)	Nxd5 (5)	37			57			77			
18	Nxd5 (1:23)	exd5 (5)	38			58			78			
19	a3 (1:21)	a5 (4)	39			59			79			
20	Bf1 (1:22)	Rc7 (4)	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
ZM			lom									

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 8/29 Board 18

WHITE: Sin Tsz Hin Zachary										FED	HKG	RESULT (W)
BLACK: Sung Sen Hin										FED	HKG	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	c4	e6	21	Bb5	Qd6	41			61			
2	g3	d5	22	Rc1	Rc8	42			62			
3	Bg2	Nf6	23	Bc6	Rc6	43			63			
4	Nf3	Be7	24	Rc6	Rc6	44			64			
5	0-0	0-0	25	Rc1	Rc1	45			65			
6	b3	Nd7	26	Bc1	Bg5	46			66			
7	Bb2	c5	27	f4	Be7	47			67			
8	e3	b6	28	Qc3		48			68			
9	Qe2	Bb7	29			49			69			
10	Rd1	Rc8	30			50			70			
11	d4	Re8	31			51			71			
12	Ne5	h6	32			52			72			
13	Nc3	Nb8	33			53			73			
14	Qd2	cd	34			54			74			
15	ed	Bc6	35			55			75			
16	Nc6	Nc6	36			56			76			
17	cd	Nd5	37			57			77			
18	Nd5	ed	38			58			78			
19	a3	a5	39			59			79			
20	Bf1	Rc7	40			60			80			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)						
ZM			lom									